

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2019/HNGĐ - ST

Ngày 19 tháng 9 năm 2019

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chung
2. Ông Phùng Văn Thông

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 30/2019/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1984 (có mặt);
2. *Bị đơn:* Anh Lê Trung K, sinh năm 1980 (có mặt);

Điều cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Quốc H – Luật sư Văn phòng Luật sư Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội (có mặt)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Vĩnh Tường. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Huỳnh C – Chức vụ: Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V

Địa chỉ: Tổ dân phố Đội Cấn, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 12 năm 2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Ngày 18/4/2007, chị và anh Lê Trung K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc (nay thuộc thành phố Hà Nội). Trước khi cưới, có được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Cưới xong, vợ chồng chị dọn ra ở riêng tại tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng chung sống hoà thuận sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có những bất đồng quan điểm với nhau, anh K lại là người nóng tính, bạo lực, mỗi lần xảy ra cãi vã, anh K đánh đập chị dẫn đến tình cảm vợ chồng trở nên căng thẳng, nặng nề với nhau. Ngày 17/12/2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh K đánh chị phải nhập viện điều trị nên đến khoảng đầu tháng 01/2019, chị đã về nhà anh trai chị ở. Anh K có đến nói chuyện với gia đình chị nhưng không thể hàn gắn được tình cảm nên hai vợ chồng vẫn sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2019 và những lời khai tiếp theo, bị đơn anh Lê Trung K khai: Về quá trình kết hôn, chung sống như chị N trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do khoảng tháng 12/2018, anh có bất gặp những tin nhắn chị N nhắn qua lại với một người đàn ông khác, do không kiểm chế được nên anh có nóng giận tát chị N, khiến chị bỏ về nhà anh trai ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh K thừa nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Nguyên C, sinh ngày 30/12/2007 và Lê Diễm M, sinh ngày 22/8/2016. Hiện nay, cả hai cháu đang ở cùng chị Ngân. Ly hôn chị N và anh K đều đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị N đang là giáo viên tại trường THPT Lê Xoay, thu nhập hàng tháng của chị khoảng 6.000.000đồng, ngoài ra tiền đứng lớp dạy thêm thu nhập khoảng 10.000.000 đồng, tổng thu nhập hàng tháng là 16.000.000đồng. Hiện tại, chị và các con không có nhà ở nên tạm thời đang ở nhà của anh trai tại TDP Đ, thị trấn V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Còn anh K đang làm Công ty TNHH một thành viên thuỷ lợi Liên Sơn, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng, cộng thêm thu nhập kinh doanh kính, nhôm, sắt thép và bảo hiểm, tổng thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000đồng. Hiện tại anh đang ở trên đất và nhà của vợ chồng anh tại TDP Đ, thị trấn V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại phiên toà, anh cho rằng bản thân đã chuẩn bị chỗ ở cho mình và các con trên mảnh đất của bố mẹ ở quê nhà tại huyện Mê Linh. Vì vậy anh có đủ điều kiện để nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Chị N và anh K đều thừa nhận vợ chồng có 01 thửa đất diện tích 112,5m² tại TDP Đ, thị trấn V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc do bố mẹ chị N mua cho khi chị N lập gia đình. Thửa đất đã được UBND huyện Vĩnh Tường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 đứng tên Nguyễn Thị N và Lê Trung K; trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng diện tích khoảng 120m²/sàn, tổng diện tích là 240m² xây dựng từ năm 2008. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/5/2019, kết quả đo đạc thực tế đối với thửa đất trên có diện tích là 113,9m² (chênh lệch so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1,4m²) chị N và anh K đều nhất trí với số đo này và đề nghị Toà án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại buổi định giá ngày 23/5/2019, sau khi Hội đồng định giá đưa ra mức giá đối với diện tích thửa đất là 15.000.000đồng/1m², tương đương 1.708.500.000 đồng tiền đất; 01 ngôi nhà 2 tầng với diện tích 2 sàn là 240m² có giá 280.000.000đồng cùng một số tài sản khác gắn liền với nhà và đất như mái tôn lợp trước, sau, cổng sắt, tường gạch bao loan và lồng sắt, có giá trị 11.000.000 đồng. Chị N không đồng ý với kết quả định giá trên và có đơn đề nghị định giá lại. Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường đã chấp nhận đề nghị trên của chị và thành lập Hội đồng định giá mới tiến hành định giá lại lần 2 đối với giá trị tài sản đang tranh chấp. Ngày 12/6/2019, tại Biên bản định giá lần 2, sau khi Hội đồng định giá định giá lại giá trị tài sản tranh chấp và giữ nguyên mức giá mà Hội đồng định giá ngày 23/5/2019 đã đưa ra thì chị N đồng ý với giá trị mà Hội đồng định giá đưa ra. Tổng tài sản chung của vợ chồng trị giá 1.999.500.000đồng (Một tỷ chín trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Ly hôn chị N đề nghị Toà án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định pháp luật, xin được sử dụng đất và nhà và thanh toán giá trị bằng tiền cho anh K.

Về phía anh K, tại Biên bản lấy lời khai, anh cho rằng giá trị của thửa đất trên là 1.600.000.000đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng); 01 ngôi nhà 02 tầng trên đất có diện tích 02 sàn là 140m² xây dựng từ năm 2008 hiện nay có trị giá 300.000.000đồng. Tổng giá trị đất và nhà là 1.900.000.000đồng (Một tỷ chín trăm triệu đồng). Ly hôn anh đề nghị Toà án chia đôi giá trị tài sản trên, để anh được sử dụng đất và nhà, anh sẽ thanh toán ½ giá trị tài sản cho chị N là 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng). Nếu chị N không đồng ý mà chị N muốn sử dụng đất, nhà và thanh toán ½ giá trị tài sản cho anh thì anh cũng đồng ý. Tại buổi định giá ngày 23/5/2019, anh K đồng ý và không có ý kiến gì với kết quả của Hội đồng định giá đưa ra đối với những tài sản đang tranh chấp. Tuy nhiên đến buổi định giá ngày 12/6/2019, anh K không đồng ý với kết quả định giá này nhưng cũng không đề nghị định giá lại. Tại phiên toà hôm nay, anh K cũng đồng ý với kết quả định giá mà Hội đồng định giá đưa ra,

chấp nhận khối tổng tài sản chung đang tranh chấp của vợ chồng trị giá 1.999.500.000đồng (Một tỷ chín trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Về công nợ: Chị N và anh K đều thừa nhận khoảng tháng 12/2018, anh chị có vay nợ của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V, huyện Vĩnh Tường số tiền 120.000.000đồng mục đích để đầu tư xưởng nhôm kính. Hiện nay số nợ của anh chị tại Quỹ tín dụng là 120.000.000đồng. Ly hôn, chị N và anh K cùng thoả thuận đề nghị Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Vĩnh Tường để chị N thay mặt anh K tiếp tục đứng ra thực hiện nghĩa vụ đối với Hợp đồng tín dụng đã ký với Quỹ tín dụng. Đồng thời anh K phải trả cho chị N 60.000.000 đồng tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng. Đối với khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc, chị N không yêu cầu anh K phải thanh toán.

Về đất canh tác, công sức: Chị N và anh K đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai và tại buổi hoà giải ngày 11/7/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V – Người đại diện theo pháp luật – ông Nguyễn Huỳnh C – Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V trình bày: Đối với khoản nợ 120.000.000đồng mà chị N và anh K ký kết hợp đồng vay vốn với mục đích kinh doanh nhôm kính tại Quỹ tín dụng, Quỹ tín dụng nhất trí với phương án trả nợ mà chị N và anh K đã trình bày ở trên, đồng ý để chị N được đại diện tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Ngoài ra, Quỹ tín dụng không có ý kiến gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh K – luật sư Vũ Quốc H trình bày: Đối với quan hệ hôn nhân và khoản công nợ của anh chị N, K đối với Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V thì không có ý kiến gì vì cả hai bên đã tự thoả thuận. Đối với con chung: không đồng ý với yêu cầu được nuôi cả hai con của chị N. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của cả hai bên để giải quyết theo quy định pháp luật; Đối với vấn đề tài sản: đề nghị Hội đồng xét xử xác định quyền sử dụng đất và ngôi nhà hai tầng trên đất là tài sản chung của vợ chồng và chia tài sản chung theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 55, 59, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Trung K.

Về con chung: Giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Nguyên C, sinh ngày 30/12/2007 và Lê Diễm M, sinh ngày 22/8/2016. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

Về tài sản chung: Giao cho chị N được sử dụng thửa đất số 267^B, tờ bản đồ số 23 địa chỉ TDP Đ, thị trấn V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích 113,9m² (theo kết quả tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/5/2019) cùng 01 ngôi nhà 02 tầng với diện tích 02 sàn 240m² trên đất cùng một số tài sản khác gắn liền với nhà, đất có tổng giá trị là 1.999.500.000 đồng. Chị N phải thanh toán giá trị tài sản cho anh Lê Trung K là 799.800.000 đồng.

Về công nợ: Công nhận sự thỏa thuận của chị N, anh K và Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V. Xác nhận để chị N thay mặt anh K tiếp tục đứng ra thực hiện nghĩa vụ đối với Hợp đồng tín dụng đã ký với Quỹ tín dụng. Đồng thời anh K phải trả cho chị N 60.000.000 đồng tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng. Đối với khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc, chị N không yêu cầu anh K phải thanh toán nên không xem xét. Về đất canh tác, công sức các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị N có đơn xin ly hôn anh Lê Trung K. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh K là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống hoà thuận, hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống hàng ngày, giữa chị N và anh K có nhiều bất đồng quan điểm với nhau, cả hai không còn sự tin tưởng và tình cảm dành cho nhau nên dẫn đến những nghi ngờ, cãi vã, xô xát trong cuộc sống vợ chồng. Về phía chị N và anh K đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, níu kéo cuộc hôn nhân này nên đều nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh K đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị N và anh K

[4]. Về con chung: Chị N và anh K có hai con chung là Lê Nguyên C, sinh ngày 30/12/2007 và cháu Lê Diễm M, sinh ngày 22/8/2016. Xét đề nghị, điều kiện, hoàn cảnh thực tế của chị N và anh K, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay, cháu Lê Nguyên C đã 12 tuổi còn cháu Lê Diễm M mới 3 tuổi. Điều kiện, hoàn cảnh của chị N và anh K có sự tương đồng. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi cho các cháu cũng như phù hợp với quy định pháp luật nên cần giao cháu Lê Nguyên C cho anh Lê Trung K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Diễm M. Chị N và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung: Chị N và anh K đều thừa nhận vợ chồng có 01 thửa đất diện tích 112,5m² (diện tích đo thực tế là 113,9m²) tại TDP Đ, thị trấn V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc do bố mẹ chị N mua cho khi chị N lập gia đình. Thửa đất đã được UBND huyện Vĩnh Tường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 đứng tên Nguyễn Thị N và Lê Trung K; trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng diện tích khoảng 120m²/sàn, tổng diện tích là 240m² xây dựng từ năm 2008 và một số tài sản khác gắn liền với nhà và đất như mái tôn lợp trước, sau, cổng sắt, tường gạch bao loan, lồng sắt. Xác minh tại địa phương - thị trấn V cung cấp có sự chênh lệch diện tích thửa đất giữa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực tế là do sai số trong quá trình đo đạc. Chị N và anh K cũng nhất trí với số đo thực tế theo kết quả thẩm định. Vì vậy cần công nhận tài sản chung của vợ chồng chị N, anh K là 01 thửa đất có diện tích 113,9m² tại số thửa 267B, tờ bản đồ số 23, TDP Đ, thị trấn V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, có giá là 1.708.500.000 đồng và trên đất có một ngôi nhà 02 tầng diện tích khoảng 120m²/sàn, tổng diện tích là 240m² , có giá 280.000.000 đồng, cùng một số tài sản khác gắn liền với nhà và đất như mái tôn lợp trước, sau, cổng sắt, tường gạch bao loan và lồng sắt, có giá trị 11.000.000 đồng. Tổng tài sản chung của vợ chồng trị giá 1.999.500.000 đồng (Một tỷ chín trăm chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Xét đề nghị của chị N, anh K trong việc phân chia tài sản chung khi ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù thửa đất số 267B, tờ bản đồ số 23, TDP Đ, thị trấn V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhưng nguồn gốc thửa đất trên là do ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị N (là bố mẹ của chị N) mua cho. Mặt khác, hiện nay chị N và các con không có chỗ ở ổn định, phải ở nhờ nhà anh trai. Diện tích đất và nhà không phù hợp cho việc chia tách; Bản thân anh K và chị N đều đề nghị được sử dụng nhà, đất và thanh toán một phần giá trị nhà, đất cho người kia nên Hội đồng xét xử thấy căn cứ vào quy định pháp luật về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn, cần ưu tiên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ,

con chưa thành niên. Do vậy, cho chị N được quyền sở hữu đối với khối tài sản chung bao gồm: 01 thửa đất có diện tích 113,9m² tại số thửa 267B, tờ bản đồ số 23, TDP Đ, thị trấn V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc và một ngôi nhà 02 tầng diện tích khoảng 120m²/sàn, tổng diện tích là 240m² trên đất và một số tài sản gắn liền với nhà, đất. Chị N có trách nhiệm thanh toán cho anh K một khoản tiền tương xứng với công sức đóng góp của anh K là 839.790.000 (Tám trăm ba mươi chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Đồng thời, để đảm bảo quyền lợi cho anh K, Hội đồng xét xử xét thấy cần cho anh K được lưu cư lại ngôi nhà tại tổ dân phố Đ, thị trấn V, huyện Vĩnh Tường trong một khoảng thời gian nhất định để anh K có điều kiện thu xếp nơi ăn ở, ổn định cuộc sống sau ly hôn.

[6]. Về công nợ: Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị N, anh K và Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V cùng thống nhất để chị N thay mặt anh K tiếp tục đứng ra thực hiện nghĩa vụ đối với Hợp đồng tín dụng đã ký với Quỹ tín dụng và anh K phải trả cho chị N 60.000.000 đồng tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng; chị N không yêu cầu anh K phải trả tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc là thoả thuận hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận sự thoả thuận này.

[7]. Về đất canh tác, công sức: Chị N, anh K không yêu cầu do vậy Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8]. Về chi phí tố tụng: Đối với khoản chi phí chi cho Hội đồng định giá và thẩm định khối tài sản tranh chấp là 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm nghìn đồng) (có hoá đơn, chứng từ kèm theo), chị N đã thanh toán đầy đủ và không yêu cầu anh K phải thanh toán bất cứ khoản gì. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên cần chấp nhận.

[9]. Về án phí sơ thẩm: Chị N và anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần giá trị tài sản mà mỗi người được hưởng. Anh K được hưởng phần tài sản tranh chấp với giá trị là 839.790.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 37.193.700 đồng. Chị N được hưởng phần tài sản có giá trị là 1.159.710.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 46.791.300 đồng. Ngoài ra chị N còn tự nguyện nộp cả tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 55, khoản 2, 3, 5 Điều 59, Điều 63, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 3, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Trung K.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Diễm M, sinh ngày 22/8/2016. Anh Lê Trung K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Nguyên C, sinh ngày 30/12/2007. Chị N, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về tài sản chung: Giao cho chị N được quyền sở hữu đối với khối tài sản chung bao gồm: 01 thửa đất có diện tích 113,9m² tại số thửa 267B, tờ bản đồ số 23, TDP Đ, thị trấn V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc và một ngôi nhà 02 tầng diện tích khoảng 120m²/sàn, tổng diện tích là 240m² trên đất, cùng một số tài sản gắn liền với nhà, đất như mái tôn lợp trước, sau, cổng sắt, tường gạch bao loan và lồng sắt. (Thửa đất và ngôi nhà có các chiều, cạnh cụ thể như trích lục bản đồ kèm theo tại Biên bản thẩm định, định giá ngày 23/5/2019). Chị N phải thanh toán cho anh K số tiền là 839.790.000 (Tám trăm ba mươi chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Anh K được quyền lưu cư trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt để thu xếp ổn định chỗ ở.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu anh K có đơn yêu cầu thi hành án, chị N không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự, người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Về công nợ: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa chị Nguyễn Thị N, anh Lê Trung K và Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn V. Theo đó chị N thay mặt anh K tiếp tục đứng ra thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Vĩnh Tường theo Hợp đồng tín dụng số 2773/HĐTD ngày 24/12/2018 đã ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Vĩnh Tường với chị Nguyễn Thị N và anh Lê Trung K. Anh K phải trả cho chị N một nửa số tiền gốc vay theo Hợp đồng là 60.000.000 đồng.

5. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 46.791.300 đồng tiền án phí dân sự theo giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản được nhận. Xác nhận chị N đã nộp 25.800.000 đồng tiền

tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0002052 ngày 20/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị N còn phải nộp 21.291.300 đồng; anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 37.193.700 đồng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND thị trấn V;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Thị Đoan Trang

Hội thẩm nhân dân

Phùng Văn Thông Nguyễn Văn Chung

**Thẩm
phán
- Chủ
tọa
phiên
tòa**

